

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN  
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE  
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: **383** /BSG-KTTK  
Giải trình BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán  
*Explanation of the audited consolidated FS of Y2019*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **08** tháng **4** năm 2020  
*Ho Chi Minh City, April, 8 2020*

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn**  
*Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation*  
Mã chứng khoán : **SAB**  
*Security symbol : SAB*  
Địa chỉ : **187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM**  
*Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City*



Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin, Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán cụ thể như sau:

*Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 155/2015/TT-BTC on the disclosure of information, Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation (SABECO) explained the audited consolidated financial statement of Y2019 as follow:*

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:  
*Consolidated income statement:*

Đơn vị tính: VND/ Unit: VND

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 12 months period ended 31 December		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2019	2018		
A	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net sales	37,899,059,501,295	35,948,552,561,947	1,950,506,939,348	5%
2. Giá vốn hàng bán/ Cost of sales	28,348,430,809,281	27,864,413,389,551	484,017,419,730	2%
3. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross Profit	9,550,628,692,014	8,084,139,172,396	1,466,489,519,618	18%
4. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	889,852,505,295	630,350,383,424	259,502,121,871	41%
5. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	93,009,586,460	74,634,952,869	18,374,633,591	25%
6. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết/ Profit sharing from investment in joint ventures and associates	378,267,281,269	354,965,023,940	23,302,257,329	7%
7. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	3,003,290,717,435	2,731,090,859,491	272,199,857,944	10%

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	1,047,841,925,145	912,705,312,866	135,136,612,279	15%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	6,674,606,249,538	5,351,023,454,534	1,323,582,795,004	25%
10. Thu nhập khác/ Other income	74,504,231,449	81,737,853,570	-7,233,622,121	-9%
11. Chi phí khác/ Other expenses	62,933,856,025	42,321,666,598	20,612,189,427	49%
12. Lợi nhuận khác/ Net other income	11,570,375,424	39,416,186,972	-27,845,811,548	-71%
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Net accounting profit before tax	6,686,176,624,962	5,390,439,641,506	1,295,736,983,456	24%
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Business income tax - current	1,347,171,652,994	1,021,134,431,877	326,037,221,117	32%
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Business income tax - deferred	-31,142,736,574	-33,444,736,795	2,302,000,221	-7%
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	5,370,147,708,542	4,402,749,946,424	967,397,762,118	22%

**Doanh thu thuần năm 2019** tăng so với cùng kỳ năm trước do tăng sản lượng và tăng giá bán trong năm 2019.

**Lợi nhuận sau thuế năm 2019** tăng so với cùng kỳ do doanh thu tăng cũng như lãi tiền gửi tăng mặc dù có sự đầu tư nhiều hơn vào các hoạt động Marketing và hỗ trợ bán hàng.

*Net sales for 2019 has increased from last year due to volume growth and various price increases during the year.*

*Profit after tax for 2019 has increased from last year as a result of higher revenue as well as higher finance income even as we invest more marketing activities and trade promotion.*

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SABECO.

*The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's audited consolidated financial statements of Y2019.*

Trân trọng./.

*Yours Sincerely./.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ As above;
- CT. HĐQT/ Chairman;
- Lưu: Văn thư/ Save at the Office.

